

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự
an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Thông tư số 01/2026/TT-BTC ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông;

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 quy định.

“Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật:

d) Ban hành Nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.”

Căn cứ điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025 quy định:

“Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.”

Căn cứ quy định nêu trên, việc ban hành Nghị quyết HĐND tỉnh quy định quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông là có cơ sở chính trị, pháp lý.

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Quyết định số 901/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước đây) đã ban hành Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 Quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Định (trước đây), Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Định (trước đây), làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện.

Ngày 01/01/2026, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 01/2026/TT-BTC quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Theo đó, Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư số 01/2026/TT-BTC có hiệu lực.

Tại khoản 2, Điều 4 Thông tư số 01/2026/TT-BTC ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông, quy định:

“Đối với nội dung chi chưa có mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Công an, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quyết định áp dụng mức chi của các nhiệm vụ, nội dung chi có tính chất tương tự đã được cấp có thẩm quyền quy định, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao và chịu trách nhiệm về quyết định của mình”.

Căn cứ khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025 quy định.

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; ...”

Từ các căn cứ và nội dung nêu trên, việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền, có cơ sở pháp lý và cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị quyết để cụ thể hóa nội dung, mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai đảm bảo thực hiện phù hợp với quy định tại Thông tư số 01/2026/TT-BTC ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và tình hình thực tế tại địa phương; là cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đảm bảo thống nhất, đúng quy định.

2. Quan điểm xây dựng

Nghị quyết được xây dựng đảm bảo các nguyên tắc, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với quy định tại Thông tư số 01/2026/TT-BTC ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BTC ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; UBND tỉnh đã lập đề nghị ban hành danh mục Nghị quyết kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) HĐND tỉnh Gia Lai năm 2026 và được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận tại Thông báo số 29/TB-TTHĐND ngày 13/04/2026.

Căn cứ ý kiến chấp thuận của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đã gửi các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND các xã, phường và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến; được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 219/BC-STP ngày 30/03/2026.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết xây dựng gồm 04 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Mức chi phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

Điều 5. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông (sau đây viết tắt là TTATGT) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm TTATGT.

Điều 2. Mức chi phục vụ công tác bảo đảm TTATGT

1. Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị chết trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng (trừ tai nạn giao thông đường bộ thực hiện hỗ trợ từ Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ theo quy định tại Nghị định số 279/2025/NĐ-CP quy định về thành lập, nguồn tài chính hình thành, quản lý, hoạt động chi, sử dụng Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ): hỗ trợ 5.000.000 đồng/người bị tử vong; 2.000.000 đồng/người bị thương nặng.

2. Chi công tác chỉ đạo, đôn đốc việc phối hợp hoạt động của các ngành, các tổ chức và các đoàn thể trong lĩnh vực bảo đảm TTATGT, khắc phục ùn tắc giao thông trên địa bàn, công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hạn chế hậu quả do tai nạn giao thông gây ra:

a) Đối với Ban An toàn giao thông cấp tỉnh: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và cán bộ chuyên trách Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh, mức chi: 1.000.000 đồng/người/tháng; các ủy viên Ban An toàn giao thông tỉnh và cán bộ kiêm nhiệm Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh: 700.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với Ban An toàn giao thông xã, phường (gọi chung là cấp xã): Trưởng ban và các Phó Trưởng ban, mức chi 500.000 đồng/tháng; các ủy viên Ban An toàn giao thông cấp xã, mức chi 250.000 đồng/tháng.

c) Mức hỗ trợ quy định tại điểm a, b khoản này được áp dụng cho đến khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 22/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 về tổ chức và hoạt động của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và Ban An toàn giao thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Chi xây dựng kế hoạch và biện pháp phối hợp các ban, ngành và chính quyền các cấp (bao gồm cả cấp xã) trong việc thực hiện các giải pháp bảo đảm TTATGT và khắc phục ùn tắc giao thông; chi xây dựng các chương trình, đề án về bảo đảm TTATGT, nhân rộng các mô hình điểm về bảo đảm TTATGT:

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/kế hoạch; 2.000.000 đồng/chương trình, đề án; 2.000.000 đồng/mô hình.

b) Cấp xã: 500.000 đồng/kế hoạch; 1.000.000 đồng/chương trình, đề án; 1.000.000 đồng/mô hình.

4. Căn cứ vào nguồn kinh phí và mức chi tối đa quy định tại Điều này, Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán có trách nhiệm xem xét quyết định mức chi cho phù hợp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

5. Nội dung chi bảo đảm TTATGT khác ngoài các nội dung quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng tại Thông tư số 01/2026/TT-BTC.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước bố trí từ nguồn chi các hoạt động kinh tế theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan và địa phương, theo đó:

a) Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí thực hiện các nội dung do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện;

b) Ngân sách cấp xã bảo đảm kinh phí thực hiện các nội dung chi do các cơ quan, đơn vị cấp xã thực hiện.

2. Các khoản hỗ trợ, viện trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động bảo đảm TTATGT.

3. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Dự kiến nguồn lực:

Nguồn kinh phí cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành, được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

*** Thuyết minh nguồn lực:**

Các mức chi Sở Tài chính xây dựng nêu trên, giữ nguyên mức chi đã thực hiện trước đây trên địa bàn tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) và tỉnh Bình Định (trước sắp xếp). Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương, kinh phí dự kiến thực hiện cho công tác bảo đảm TTATGT trên toàn tỉnh là 12.042 triệu đồng; trong đó: Ban An toàn giao thông cấp tỉnh là 297 triệu đồng; UBND 135 xã, phường là 11.745 triệu đồng (bình quân 87 triệu đồng/xã). Đối với mức kinh phí này, ngân sách địa phương bảo đảm khả năng cân đối để triển khai thực hiện sau khi Nghị quyết được ban hành.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết

- Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

(Kèm theo các văn bản: Dự thảo Nghị quyết; văn bản thẩm định của Sở Tư pháp; bản tổng hợp ý kiến tham gia và giải trình tiếp thu ý kiến tham gia; các tài liệu khác có liên quan).

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP, SXD;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, C5, X2, X5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông;*

*Xét Tờ trình số 456/TTr-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác
bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra
số 59/BC-BPC ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi cho công tác
bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn
giao thông (sau đây viết tắt là TTATGT) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử
dụng kinh phí bảo đảm TTATGT.

Điều 2. Mức chi phục vụ công tác bảo đảm TTATGT

1. Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị
chết trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng (trừ tai nạn giao
thông đường bộ thực hiện hỗ trợ từ Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông
đường bộ theo quy định tại Nghị định số 279/2025/NĐ-CP quy định về thành
lập, nguồn tài chính hình thành, quản lý, hoạt động chi, sử dụng Quỹ giảm thiểu
thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ): hỗ trợ 5.000.000 đồng/người bị tử vong;
2.000.000 đồng/người bị thương nặng.

2. Chi công tác chỉ đạo, đôn đốc việc phối hợp hoạt động của các ngành,
các tổ chức và các đoàn thể trong lĩnh vực bảo đảm TTATGT, khắc phục ùn tắc

giao thông trên địa bàn, công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hạn chế hậu quả do tai nạn giao thông gây ra:

a) Đối với Ban An toàn giao thông cấp tỉnh: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và cán bộ chuyên trách Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh, mức chi: 1.000.000 đồng/người/tháng; các ủy viên Ban An toàn giao thông tỉnh và cán bộ kiêm nhiệm Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh: 700.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với Ban An toàn giao thông xã, phường (gọi chung là cấp xã): Trưởng ban và các Phó Trưởng ban, mức chi 500.000 đồng/tháng; các ủy viên Ban An toàn giao thông cấp xã, mức chi 250.000 đồng/tháng.

c) Mức hỗ trợ quy định tại điểm a, b khoản này được áp dụng đến khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 22/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 về tổ chức và hoạt động của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và Ban An toàn giao thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Chi xây dựng kế hoạch và biện pháp phối hợp các ban, ngành và chính quyền các cấp (bao gồm cả cấp xã) trong việc thực hiện các giải pháp bảo đảm TTATGT và khắc phục ùn tắc giao thông; chi xây dựng các chương trình, đề án về bảo đảm TTATGT, nhân rộng các mô hình điểm về bảo đảm TTATGT:

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/kế hoạch; 2.000.000 đồng/chương trình, đề án; 2.000.000 đồng/mô hình.

b) Cấp xã: 500.000 đồng/kế hoạch; 1.000.000 đồng/chương trình, đề án; 1.000.000 đồng/mô hình.

4. Căn cứ vào nguồn kinh phí và mức chi tối đa quy định tại Điều này, Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán có trách nhiệm xem xét quyết định mức chi phù hợp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

5. Nội dung chi bảo đảm TTATGT khác ngoài các nội dung quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng tại Thông tư số 01/2026/TT-BTC.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước bố trí từ nguồn chi các hoạt động kinh tế theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan và địa phương, theo đó:

a) Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí thực hiện các nội dung do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện;

b) Ngân sách cấp xã bảo đảm kinh phí thực hiện các nội dung chi do các cơ quan, đơn vị cấp xã thực hiện.

2. Các khoản hỗ trợ, viện trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động bảo đảm TTATGT.

3. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 04 tháng 5 năm 2026.
2. Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh Bình Định và Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XIII kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026./.

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh,
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

Số: /BC-STP

Gia Lai, ngày tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2625/STC-TCHCSN ngày 26/3/2026 của Sở Tài chính đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết*). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, trên cơ sở đối chiếu Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Thông tư số 01/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông và các văn bản có liên quan;

Căn cứ Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP*), Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. Sự cần thiết ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Định và Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND.

Tuy nhiên, ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 01/2026/TT-BTC quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm an toàn giao thông, trong đó tại khoản 2 Điều 4 quy định “2. Đối với nội dung chi chưa có mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Công an, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quyết định áp dụng mức chi của các nhiệm vụ, nội dung chi có tính chất tương tự đã được cấp có thẩm quyền quy định, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao và chịu trách nhiệm về quyết định của mình”.

Đồng thời, thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày

12/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025; kể từ ngày 01/7/2025, tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai được sắp xếp thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Gia Lai và hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Để bảo đảm tiến độ xử lý các văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan xây dựng dự thảo Nghị quyết (*thay thế Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND*), báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh thông qua là cần thiết, có cơ sở pháp lý.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Sở Tư pháp thống nhất về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết.

II. Sự phù hợp của nội dung dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng

Dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng trong việc quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

III. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

IV. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị quyết không có nội dung quy định về thủ tục hành chính.

V. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Trên cơ sở nội dung tham gia góp ý tại Công văn số 1534/SNV-VP ngày 13/3/2026 của Sở Nội vụ, Công văn số 849/SKHCHN-VP ngày 19/03/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ và dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh thì dự thảo Nghị quyết đảm bảo về nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

VI. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Cơ bản, dự thảo đảm bảo về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Tuy nhiên, đề dự thảo được hoàn thiện và phù hợp hơn, đề nghị Quý Sở điều chỉnh nội dung sau:

1.1. Về căn cứ văn bản để ban hành Nghị quyết

Tại nội dung “*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết Quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai ...*” đề nghị điều chỉnh từ “*Quy định*” thành “*quy định*”.

1.2. Về nội dung của dự thảo

- Tại khoản 1 Điều 1 của dự thảo về phạm vi điều chỉnh có quy định viết tắt cụm từ “*trật tự an toàn giao thông*” thành “*TTATGT*”. Tuy nhiên, tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2 của dự thảo quy định “*trật tự an toàn giao thông*”; khoản 2 Điều 3 quy định “*trật tự ATGT*”. Do đó, đề nghị Quý Sở rà soát, điều chỉnh nhằm bảo tính thống nhất trong kỹ thuật soạn thảo văn bản.

- Tại gạch đầu dòng thứ 2 khoản 3 Điều 2 của dự thảo có nội dung quy định “*Căn cứ vào nguồn kinh phí và mức chi tối đa quy định tại Điều này, Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán có trách nhiệm xem xét quyết định mức chi cho phù hợp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.*”, đề nghị Quý Sở thiết kế một khoản riêng của Điều 2 để quy định nội dung này nhằm đảm bảo tính rõ ràng trong kỹ thuật soạn thảo văn bản.

- Ngoài ra, tại tiêu đề khoản 3 Điều 2 của dự thảo, đề nghị điều chỉnh cụm từ “*Chi xây dựng các chương trình, đề án về ...*” thành “*chi xây dựng các chương trình, đề án về ...*”.

- Về nơi nhận văn bản, đề nghị bỏ chủ thể “*HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố*”; chỉnh sửa “- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp” thành “- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp”.

- Về bố cục văn bản của dự thảo, đề nghị điều chỉnh các gạch đầu dòng tại khoản 3 Điều 2 thành các điểm a), b) nhằm đảm bảo tính thống nhất trong kỹ thuật soạn thảo văn bản của dự thảo.

2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

3. Về dự thảo Tờ trình

Đề nghị Quý Sở xây dựng lại dự thảo Tờ trình đảm bảo về hình thức, đầy đủ nội dung theo hướng dẫn của Chính phủ tại mẫu số 02 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

VII. Điều kiện trình dự thảo Nghị quyết cho UBND tỉnh

Đề nghị Quý Sở hoàn thiện nội dung thẩm định tại Báo cáo này để dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, P.NV1.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Như Ý

BẢNG THUYẾT MINH CÁC MỨC CHI BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG

STT		Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018	Nghị quyết 37/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp)	Nghị quyết 119/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp)	Thông tư 01/2026/TT-BTC ngày 01/01/2026	Nghị quyết đề nghị ban hành	Thuyết minh
1	1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	a) Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông (sau đây viết tắt là TTATGT). b) Thông tư này không điều chỉnh đối với nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động của Văn phòng Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao và định mức phân bổ chi quản lý hành chính quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2017.	Không quy định	1.1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định: a) Mức phân bổ kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông (sau đây viết tắt là TTATGT) do ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông; b) Nội dung chi bảo đảm TTATGT cho các cơ quan, đơn vị cấp huyện và các Tổ tự quản An toàn giao thông cấp xã; c) Nội dung, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh Gia Lai. 1.2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm TTATGT.	a) Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông; b) Thông tư này không điều chỉnh đối với các nguồn kinh phí sau: Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động của Văn phòng Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao và định mức phân bổ chi quản lý hành chính quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước. <u>Nguồn kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và dấu giá biên số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước;</u> <u>Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 176/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và dấu giá biên số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước.</u>	1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông (sau đây viết tắt là TTATGT) trên địa bàn tỉnh Gia Lai. 2. Đối tượng áp dụng Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm TTATGT.	Thông tư 01/2026/TT-BTC không điều chỉnh đối với nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và dấu giá biên số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước, do vậy
2	Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị chết:	d) Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị chết: - Trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng: Chi hỗ trợ không quá 05 triệu đồng/người bị tử vong; không quá 02 triệu đồng/người bị thương nặng; - Trong dịp Tết Nguyên đán, “Ngày thể giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông”: Chi thăm hỏi không quá 02 triệu đồng/người đối với nạn nhân bị thương nặng, gia đình nạn nhân bị chết do tai nạn giao thông có hoàn cảnh khó khăn.	a. Trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng: Chi hỗ trợ 5.000.000 đồng/người bị tử vong; 2.000.000 đồng/người bị thương nặng; b. Trong dịp Tết Nguyên đán, “Ngày thể giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông”: Chi thăm hỏi 2.000.000 đồng/người đối với nạn nhân bị thương nặng, gia đình nạn nhân bị chết do tai nạn giao thông có hoàn cảnh khó khăn.	Không quy định, thực hiện theo mức chi tại Thông tư số 01/2018/TT-BTC	d) Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị chết: Trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng: Chi hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/người bị tử vong, không quá 05 triệu đồng/người bị thương nặng; Trong dịp Tết Nguyên đán, Ngày thể giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông: Chi thăm hỏi không quá 05 triệu đồng/người đối với nạn nhân bị thương nặng, gia đình nạn nhân bị chết do tai nạn giao thông có hoàn cảnh khó khăn.	2. Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị chết (trừ tai nạn giao thông đường bộ thực hiện hỗ trợ từ Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ theo quy định tại Nghị định số 279/2025/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về thành lập, nguồn tài chính hình thành, quản lý, hoạt động chi, sử dụng Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ): Trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng: Chi hỗ trợ 5.000.000 đồng/người bị tử vong; 2.000.000 đồng/người bị thương nặng;	Nguồn kinh phí thực hiện tại Thông tư 01/2026/TT-BTC không còn quy định nguồn kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương (nguồn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông), việc thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương. Do đó đề đảm bảo khả năng cân đối của ngân sách, đề xuất giữ nguyên mức hỗ trợ tại Nghị quyết 37/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp)

STT		Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018	Nghị quyết 37/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp)	Nghị quyết 119/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp)	Thông tư 01/2026/TT-BTC ngày 01/01/2026	Nghị quyết đề nghị ban hành	Thuyết minh
3	Chỉ hỗ trợ các thành viên Ban An toàn giao thông tỉnh, cán bộ chuyên trách, cán bộ kiêm nhiệm giúp việc cho Ban An toàn giao thông tỉnh:	Chỉ công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc phối hợp hoạt động của các ngành, các tổ chức và các đoàn thể trong lĩnh vực bảo đảm TTATGT, khắc phục ùn tắc giao thông trên địa bàn, công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hạn chế hậu quả do tai nạn giao thông gây ra	a. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và cán bộ chuyên trách Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh: 1.000.000 đồng/người/tháng; b. Thành viên Ban An toàn giao thông tỉnh và cán bộ kiêm nhiệm Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh: 700.000 đồng/người/tháng. c. Chi thông tin liên lạc: Chánh văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh được hỗ trợ chi thông tin liên lạc 300.000 đồng/tháng.	a) Đối với Ban An toàn giao thông cấp tỉnh: Trưởng ban và các Phó Trưởng ban, mức chi tối đa 1.000.000 đồng/tháng; các ủy viên Ban An toàn giao thông tỉnh, mức chi tối đa 700.000 đồng/tháng; công chức, nhân viên, người lao động tham mưu giúp việc cho Ban An toàn giao thông tỉnh, mức chi tối đa 500.000 đồng/tháng.	3. Nội dung chi đặc thù bảo đảm trật tự an toàn giao thông của địa phương c) Chỉ công tác chỉ đạo, đôn đốc việc phối hợp hoạt động của các ngành, các tổ chức và các đoàn thể trong lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông, khắc phục ùn tắc giao thông trên địa bàn, công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hạn chế hậu quả do tai nạn giao thông gây ra	a) Đối với Ban An toàn giao thông cấp tỉnh: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và cán bộ chuyên trách Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh, mức chi: 1.000.000 đồng/người/tháng; các ủy viên Ban An toàn giao thông tỉnh và cán bộ kiêm nhiệm Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh: 700.000 đồng/người/tháng.	Giữ nguyên mức chi Bình Định trước sắp xếp
4	Chỉ hỗ trợ các thành viên Ban An toàn giao thông cấp xã, phường:		a. Trưởng ban, Phó Trưởng ban: 500.000 đồng/người/tháng; b. Thành viên: 250.000 đồng/người/tháng.	b) Đối với Ban An toàn giao thông huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện): Trưởng ban và các Phó Trưởng ban, mức chi tối đa 700.000 đồng/người/tháng; các ủy viên Ban An toàn giao thông cấp huyện, mức chi tối đa 500.000 đồng/người/tháng; công chức, nhân viên, người lao động tham mưu giúp việc cho Ban An toàn giao thông cấp huyện, mức chi tối đa 300.000 đồng/người/tháng.		b) Đối với Ban An toàn giao thông xã, phường (gọi chung là cấp xã): Trưởng ban và các Phó Trưởng ban, mức chi 500.000 đồng/tháng; các ủy viên Ban An toàn giao thông cấp xã, mức chi 250.000 đồng/tháng.	Giữ nguyên mức chi Bình Định trước sắp xếp
5	Điều khoản bổ sung					c) Mức hỗ trợ quy định tại Điều này được áp dụng cho đến khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 22/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 về tổ chức và hoạt động của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và Ban An toàn giao thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Sau khi Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được ban hành, Ủy ban an toàn giao thông Quốc gia, Ban an toàn giao thông các cấp kết thúc hoạt động.
6	Chỉ xây dựng kế hoạch và biện pháp phối hợp các ban, ngành và chính quyền các cấp (bao gồm cả cấp xã) trong việc thực hiện các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông và khắc phục ùn tắc giao thông; Chỉ xây dựng các chương trình, đề án về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, nhân rộng các mô hình điểm về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	a) Chỉ xây dựng kế hoạch và biện pháp phối hợp các ban, ngành và chính quyền các cấp (bao gồm cả cấp xã) trong việc thực hiện các giải pháp bảo đảm TTATGT và khắc phục ùn tắc giao thông; c) Chỉ xây dựng các chương trình, đề án về bảo đảm TTATGT, nhân rộng các mô hình điểm về bảo đảm TTATGT;	Không quy định	- Ban An toàn giao thông tỉnh: tối đa 1.000.000 đồng/kế hoạch; tối đa 2.000.000 triệu đồng/chương trình, đề án; tối đa 2.000.000 triệu đồng/mô hình. - Ban An toàn giao thông cấp huyện: tối đa 500.000 đồng/kế hoạch; tối đa 1.000.000 triệu đồng/chương trình, đề án; tối đa 1.000.000 triệu đồng/mô hình Căn cứ vào nguồn kinh phí, nội dung chi và mức chi tối đa quy định tại Điều này, Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán có trách nhiệm xem xét quyết định nội dung chi, mức chi cho phù hợp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.	3. Nội dung chi đặc thù bảo đảm trật tự an toàn giao thông của địa phương a) Chỉ xây dựng kế hoạch và biện pháp phối hợp các ban, ngành và chính quyền các cấp (bao gồm cả cấp xã) trong việc thực hiện các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông và khắc phục ùn tắc giao thông; b) Chỉ xây dựng các chương trình, đề án về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, nhân rộng các mô hình điểm về bảo đảm trật tự an toàn giao thông;	- Cấp tỉnh: 01 triệu đồng/kế hoạch; 02 triệu đồng/chương trình, đề án; 02 triệu đồng/mô hình. - Cấp xã: 500.000 đồng/kế hoạch; 01 triệu đồng/chương trình, đề án; 01 triệu đồng/mô hình.	Kế thừa mức chi của Gia Lai trước sắp xếp

STT		Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018	Nghị quyết 37/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp)	Nghị quyết 119/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp)	Thông tư 01/2026/TT-BTC ngày 01/01/2026	Nghị quyết đề nghị ban hành	Thuyết minh
7	Nguồn kinh phí thực hiện	1. Ngân sách nhà nước bố trí từ nguồn chi các hoạt động kinh tế theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành trong dự toán chi thường xuyên của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương; <u>2. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương. Giai đoạn 2018-2020, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương 70% số thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông phần ngân sách trung ương được hưởng phát sinh trên địa bàn từng địa phương năm trước liền kề năm hiện hành (dự toán năm 2018 sẽ căn cứ vào số thực hiện năm 2016; dự toán năm 2019 sẽ căn cứ vào số thực hiện năm 2017 và dự toán năm 2020 sẽ căn cứ vào số thực hiện năm 2018).</u> 3. Các khoản hỗ trợ, viện trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động đảm bảo TTATGT; 4. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.	Không quy định	5.1. Ngân sách nhà nước bố trí từ nguồn chi các hoạt động kinh tế theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan và địa phương, theo đó: a) Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí thực hiện các nội dung do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện; b) Ngân sách cấp huyện bảo đảm kinh phí thực hiện các nội dung chỉ do các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện và Tổ tự quản An toàn giao thông cấp xã thực hiện. 5.2. Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh được phân bổ theo tỷ lệ quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này. 5.3. Các khoản hỗ trợ, viện trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động đảm bảo trật tự ATGT. 5.4. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.	1. Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. 2. Các khoản hỗ trợ, viện trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động bảo đảm trật tự an toàn giao thông. 3. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.	1. Ngân sách nhà nước bố trí từ nguồn chi các hoạt động kinh tế theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan và địa phương, theo đó: a) Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí thực hiện các nội dung do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện; b) Ngân sách cấp xã bảo đảm kinh phí thực hiện các nội dung chỉ do các cơ quan, đơn vị cấp xã thực hiện. 2. Các khoản hỗ trợ, viện trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động đảm bảo trật tự ATGT. 3. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.	Đề xuất theo quy định tại Thông tư 01/2026/TT-BTC

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH VỀ QUY ĐỊNH MỘT SỐ MỨC CHI CHO CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Công văn số /STC-TCHCSN ngày / /2026 của Sở Tài chính)

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Gia Lai về Quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

1. Tổng số cơ quan, đơn vị, địa phương đã được Sở Tài chính gửi xin ý kiến: 161 đơn vị và tổng số ý kiến nhận được là 57 đơn vị.

- Thống nhất dự thảo: 53 đơn vị
- Có tham gia góp ý dự thảo: 04 đơn vị
- Không gửi Văn bản tham gia: 104 cơ quan, đơn vị, địa phương

2. Kết quả cụ thể như sau:

ST T	CHỦ THỂ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/địa phương	Số Văn bản			
I	Thống nhất dự thảo				
1	Sở Nội vụ	1534/SNV-VP ngày 13/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
2	UBND phường Hoàì Nhon	847/UBND-KTHTĐT ngày 14/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
3	UBND phường An Nhơn Đông	311/CV-UBND ngày 13/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
4	Sở Công Thương	1083/SCT-VP ngày 14/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
5	UBND xã Ân Hảo	197/UBND-KT ngày 16/3/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
6	UBND phường Quy Nhơn Nam	666/UBND -KT ngày 16/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
7	UBND xã Chư Long	469/UBND-KTTH ngày 16/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
8	Hội Liên hiệp Phụ nữ	128/BTV-CTPN ngày 16/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
9	UBND xã An Vinh	213/UBND-PKT ngày 16/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
10	UBND phường Pleiku	696/UBND-KTHTĐT ngày 16/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
11	Ban Quản lý Khu kinh tế	811/BQL-QLDN ngày 16/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
12	UBND xã Đề Gi	335/UBND-KT ngày 17/3/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
13	UBND xã Xuân An	577/UBND-KT ngày 17/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
14	Sở Dân tộc và Tôn giáo	435/SDTTG-VP ngày 17/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
15	UBND Xã Ia Krêl	474/UBND-KT ngày 17/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
16	UBND xã Hòa Hội	479/UBND-KT ngày 17/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
17	UBND Xã An Lão	621/UBND ngày 17/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
18	UBND xã Chư Prông	239/UBND-PKT ngày 17/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
19	UBND xã Ia Kô	345/UBND-KT ngày 17/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
20	UBND xã Ia Pnôn	189/UBND-KT ngày 17/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	

ST T	CHỦ THỂ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/địa phương	Số Văn bản			
21	Hội Nông dân	115/CV/HNDT ngày 17/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
22	UBND Xã Tơ Tung	218/UBND-KT ngày 17/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
23	Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng	1723/BQLDA-VP ngày 17/03/2026; 1776/BQLDA-VP ngày 19/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
24	UBND xã Bình An	346/UBND-KT ngày 17/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
25	Liên minh Hợp tác xã	57/LMHTX - VP ngày 18/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
26	UBND Xã An Toàn	188/UBND - KT ngày 18/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
27	UBND xã Vĩnh Quang	336/UBND-KT ngày 18/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
28	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	960/SVHTTDL-VP ngày 18/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
29	UBND Xã Vĩnh Thịnh	383/UBND-KT ngày 18/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
30	UBND Xã Ia O	164/UBND-PKT ngày 18/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
31	UBND xã Vân Canh	422/UBND -KT ngày 18/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
32	UBND xã An Lương	236/UBND-KT ngày 19/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
33	UBND Xã Ia Krái	335/UBND-PKT ngày 19/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
34	UBND Xã Ia Băng	417/UBND-KT ngày 17/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
35	Sở Giáo dục và Đào tạo	1290/SGDĐT-GDTrH ngày 17/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
36	UBND Xã Phú Thiện	433/UBND-TH ngày 20/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
37	UBND Xã Uar	321/UBND-KT ngày 19/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
38	Tỉnh Đoàn Gia Lai	315-CV/TĐTN ngày 19/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
39	UBND phường Quy Nhơn Bắc	507/CV-UBND ngày 19/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
40	Vườn Quốc Gia Kon Ka Kinh	44/CV-VQG ngày 20/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
41	UBND xã Tuy Phước Đông	350/UBND-KT ngày 20/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
42	UBND xã Phù Mỹ Bắc	367/CV-UBND ngày 20/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
43	Sở Ngoại vụ	787/SNgV-VP ngày 21/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
44	UBND xã Canh Vinh	460/UBND-KT ngày 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
45	Sở Khoa học và Công nghệ	849/SKHCN-VP ngày 19/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
46	UBND Phường Thống Nhất	630/UBND-KTHTDT ngày 23/3/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
47	Sở Xây dựng	2026/SXD-VP ngày 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	
48	UBND Phường An Khê	654/UBND-KTHTDT ngày 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thống nhất	

ST T	CHỦ THỂ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/địa phương	Số Văn bản			
49	UBND Xã An Hòa	465/UBND ngày 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
50	UBND xã Canh Liên	254/CV-UBND ngày 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
51	UBND phường Quy Nhơn	1652/UBND-TC ngày 24/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
52	UBND Xã Chư Krey	255/BC-UBND ngày 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
53	UBND Xã Ia Rsai	632/UBND-PKT ngày 24/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
II	Có tham gia góp ý dự thảo				
1	Ban An toàn giao thông	173/BATGT-VP ngày 13/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Tại điểm a khoản 2 Điều 2: Đề nghị sửa: "a. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và cán bộ chuyên trách Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh, mức chi: 1.000.000 đồng/người/tháng; các ủy viên Ban An toàn giao thông tỉnh và cán bộ kiêm nhiệm Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh: 700.000 đồng/người/tháng"	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
2	Sở Y tế	1820/SYT-KHTC ngày 17/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Qua rà soát dự thảo Nghị quyết và Tờ trình, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát, chỉnh sửa một số lỗi kỹ thuật trong quá trình trình bày văn bản, cụ thể: - Tại dự thảo Nghị quyết còn lỗi “tinhGia Lai” (thiếu khoảng cách); trong phần căn cứ có nội dung “văn ban quy phạm pháp luật” (thiếu dấu). - Tại Tờ trình còn lỗi “xây dựng văn bản” (thiếu khoảng cách). Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại bố cục điều khoản của dự thảo Nghị quyết: hiện tại Điều 2 đang được trình bày gồm các khoản 1, 2, 3 và 5 (thiếu khoản 4), do đó cần chỉnh sửa lại việc đánh số khoản cho đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
3	UBND phường An Bình	313/UBND-PKTHDT ngày 18/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Theo đó, tại Thông tư số 01/2026/TT-BTC ngày 01/01/2026 một số nội dung chi như “ <i>Chi hoạt động kiểm tra, giám sát về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông</i> ”; “ <i>Chi xăng dầu, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông</i> ”; “ <i>Chi thống kê, phân tích số liệu; xây dựng, duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông</i> ”; “ <i>Chi khác phục vụ trực tiếp công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông</i> ” và một số nội dung chi đặc thù bảo đảm trật tự an toàn giao thông của địa phương chưa quy định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Vì vậy, Ủy ban nhân dân phường An Bình kính đề nghị Sở Tài chính tỉnh cụ thể mức chi cho từng nhiệm vụ tại dự thảo đề địa phương có đủ căn cứ, cơ sở để triển khai thực hiện	Giữ nguyên dự thảo Nghị quyết, lý do: Nghị quyết kế thừa các nội dung chi, mức chi đã thực hiện ổn định các năm tại Nghị quyết 37/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp); Nghị quyết 119/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp)
				1. Về tên gọi của dự thảo Đề nghị bỏ gạch ngang dưới tên gọi của dự thảo để phù hợp với Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Ngoài ra, đề nghị bỏ cụm từ “HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHÓA ..., KỲ HỌP THỨ ...” (dưới tên gọi của dự thảo) để phù hợp với Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa

ST T	CHỦ THẺ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/địa phương	Số Văn bản			
4	Sở Tư pháp	826/STP-NV1 ngày 16/03/2026	1. Đối với dự thảo Nghị quyết	Tại “ <i>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15</i> ”;”, đề nghị điều chỉnh như sau: “ <i>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15</i> ”;” để phù hợp với kỹ thuật viện dẫn văn bản theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
				Tại “ <i>Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BTC ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông</i> ”;” đề nghị bỏ cụm từ “ <i>ngày 01 tháng 01 năm 2026</i> ” để phù hợp với hướng dẫn tại điểm d khoản 2 Mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
				Đề nghị bổ sung nội dung “ <i>Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai</i> .” để phù hợp Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
				Ngoài ra, đề nghị bỏ từ “ <i>QUYẾT NGHỊ</i> .” (dưới phần căn cứ văn bản để ban hành Nghị quyết) để phù hợp Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
				Tại khoản 1 Điều 2 của dự thảo, đề nghị bỏ cụm từ “ <i>ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ</i> ” trong cụm từ “ <i>Nghị định số 279/2025/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về thành lập, nguồn tài chính hình thành, quản lý, hoạt động chi, sử dụng Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ</i> ” để phù hợp với kỹ thuật viện dẫn văn bản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
				Tại điểm b khoản 2 Điều 2 của dự thảo, đề nghị bỏ từ “ <i>đặc khu</i> ”, vì tỉnh Gia Lai không có đơn vị hành chính đặc khu	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
				Tại điểm c khoản 2 Điều 2 của dự thảo quy định “ <i>c) Mức hỗ trợ quy định tại Điều này được áp dụng cho đến khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 22/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 về tổ chức và hoạt động của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và Ban An toàn giao thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</i> .”, đề nghị Quý Sở rà soát cụm từ “ <i>Mức hỗ trợ quy định tại Điều này</i> ” để điều chỉnh thành “ <i>Mức hỗ trợ quy định tại điểm a, b khoản này</i> ” sẽ phù hợp hơn.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
				Tại khoản 5 Điều 2 của dự thảo, đề nghị điều chỉnh từ “ <i>nêu trên</i> ” thành “ <i>tại Nghị quyết này</i> ” và điều chỉnh từ “ <i>áp dụng trực tiếp tại</i> ” thành “ <i>áp dụng theo</i> ”. Đề nghị hoàn chỉnh nội dung này như sau “ <i>5. Nội dung chi đảm bảo trật tự an toàn giao thông khác ngoài các nội dung quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng tại Thông tư số 01/2026/TT-BTC.</i> ”	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
				Ngoài ra, tại Điều 2 của dự thảo, đề nghị Quý Sở thống nhất kỹ thuật trình bày văn bản. Bởi vì, có nội dung quy định số tiền cụ thể (khoản 1, 2); có nội dung quy định bằng đơn vị triệu đồng (khoản 3).	Đã tiếp thu và chỉnh sửa

ST T	CHỦ THỂ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/địa phương	Số Văn bản			
				Tại Điều 4 của dự thảo, đề nghị Quý Sở tham khảo điều chỉnh như sau: “Điều 4. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Điều 5. Điều khoản thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026. 2. Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Định và Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa ... kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.”	Đã tiếp thu và chỉnh sửa

DỰ KIẾN KINH PHÍ KHI TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ	Thành tiền	Ghi chú
	Tổng cộng				12.042.200.000	
	Cấp tỉnh				297.200.000	
	Cấp xã (tính bình quân)				11.745.000.000	Căn cứ số liệu 06 xã phường báo cáo, tính bình quân cho 135 xã phường
1	Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị chết				45.000.000	Lấy theo số liệu báo cáo của Ban an toàn giao thông tỉnh
	Trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng				45.000.000	
	- Nạn nhân tử vong	Người	5	5.000.000	25.000.000	
	- Nạn nhân bị thương	Người	10	2.000.000	20.000.000	
2	Chi công tác chỉ đạo, đôn đốc việc phối hợp hoạt động của các ngành, các tổ chức và các đoàn thể				715.200.000	
2.1	Ban An toàn giao thông cấp tỉnh				247.200.000	Ngân sách tỉnh
	Trưởng ban và các Phó Trưởng ban, cán bộ chuyên trách Văn phòng	Người	8	1.000.000	96.000.000	
	Các ủy viên, cán bộ kiêm nhiệm	Người	18	700.000	151.200.000	
2.2	Ban An toàn giao thông xã, phường				468.000.000	Ngân sách xã theo phân cấp ngân sách
	Trưởng ban và các Phó Trưởng ban	Người	25	500.000	150.000.000	
	Các ủy viên	Người	106	250.000	318.000.000	
3	Chi xây dựng kế hoạch và biện pháp trong việc thực hiện các giải pháp bảo đảm TTATGT và khắc phục ùn tắc giao thông				59.000.000	
3.1	Cấp tỉnh				5.000.000	Ngân sách tỉnh
	Kế hoạch	Kế hoạch	5	1.000.000	5.000.000	
	Chương trình	Chương trình		2.000.000	0	
	Đề án	Đề án		2.000.000	0	
	Mô hình	Mô hình		2.000.000	0	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ	Thành tiền	Ghi chú
3.2	Cấp xã				54.000.000	Ngân sách xã. Số kinh phí dự kiến của 06 xã, phường, các xã phường còn lại không đề xuất
	Kế hoạch	Kế hoạch	32	500.000	16.000.000	
	Chương trình	Chương trình	18	1.000.000	18.000.000	
	Đề án	Đề án	9	1.000.000	9.000.000	
	Mô hình	Mô hình	11	1.000.000	11.000.000	

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Gia Lai về qquy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

1. Sở Tài chính đã tổ chức soạn thảo dự thảo Tờ trình và Nghị quyết, đồng thời tiến hành lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan. Trên cơ sở ý kiến góp ý thu thập được, Sở đã tổng hợp và gửi Sở Tư pháp để thẩm định tại Báo cáo số 219/BC-STP ngày 30/3/2025. Sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định, Sở Tài chính đã hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo theo quy định.
2. Kết quả cụ thể như sau:

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Sự cần thiết ban hành Nghị quyết	Sở Tư pháp	Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Định và Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND. Tuy nhiên, ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 01/2026/TT-BTC quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm an toàn giao thông, trong đó tại khoản 2 Điều 4 quy định “2. Đối với nội dung chi chưa có mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Công an, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quyết định áp dụng mức chi của các nhiệm vụ, nội dung chi có tính chất tương tự đã được cấp có thẩm quyền quy định, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao và chịu trách nhiệm về quyết định của mình”. Đồng thời, thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 12/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025; kể từ ngày 01/7/2025, tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai được sắp xếp thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Gia Lai và hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Để bảo đảm tiến độ xử lý các văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan xây dựng dự thảo Nghị quyết (thay thế Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND), báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh thông qua là cần thiết, có cơ sở pháp lý.	
Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp thống nhất về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết.	

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng	Sở Tư pháp	Dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng trong việc quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	
Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết	Sở Tư pháp	Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.	
Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính	Sở Tư pháp	Dự thảo Nghị quyết không có nội dung quy định về thủ tục hành chính.	
Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Tư pháp	Trên cơ sở nội dung tham gia góp ý tại Công văn số 1534/SNV-VP ngày 13/3/2026 của Sở Nội vụ, Công văn số 849/SKHCN-VP ngày 19/03/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ và dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh thì dự thảo Nghị quyết đảm bảo về nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày	Sở Tư pháp	Cơ bản, dự thảo đảm bảo về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, để dự thảo được hoàn thiện và phù hợp hơn, đề nghị Quý Sở điều chỉnh nội dung sau: 1.1. Về căn cứ văn bản để ban hành Nghị quyết Tại nội dung “Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết Quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai ...” đề nghị điều chỉnh từ “Quy định” thành “quy định”. 1.2. Về nội dung của dự thảo - Tại khoản 1 Điều 1 của dự thảo về phạm vi điều chỉnh có quy định viết tắt cụm từ “<i>trật tự an toàn giao thông</i>” thành “<i>TTATGT</i>”. Tuy nhiên, tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2 của dự thảo quy định “trật tự an toàn giao thông”; khoản 2 Điều 3 quy định “trật tự ATGT”. Do đó, đề nghị Quý Sở rà soát, điều chỉnh nhằm bảo tính thống nhất trong kỹ thuật soạn thảo văn bản. - Tại gạch đầu dòng thứ 2 khoản 3 Điều 2 của dự thảo có nội dung quy định “<i>Căn cứ vào nguồn kinh phí và mức chi tối đa quy định tại Điều này, Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán có trách nhiệm xem xét quyết định mức chi cho phù hợp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.</i>”, đề nghị Quý Sở thiết kế một khoản riêng của Điều 2 để quy định nội dung này nhằm đảm bảo tính rõ ràng trong kỹ thuật soạn thảo văn bản.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa
		- Ngoài ra, tại tiêu đề khoản 3 Điều 2 của dự thảo, đề nghị điều chỉnh cụm từ “Chỉ xây dựng các chương trình, đề án về ...” thành “chi xây dựng các chương trình, đề án về ...”. - Về nơi nhận văn bản, đề nghị bỏ chủ thể “HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố”; chỉnh sửa “- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp” thành “- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp”. - Về bố cục văn bản của dự thảo, đề nghị điều chỉnh các gạch đầu dòng tại khoản 3 Điều 2 thành các điểm a), b) nhằm đảm bảo tính thống nhất trong kỹ thuật soạn thảo văn bản của dự thảo	Tiếp thu, đã chỉnh sửa
Về trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản	Sở Tư pháp	Dự thảo Nghị quyết đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP	